

MỘT SỐ TIÊU CHÍ NHẬN DẠNG VIỆC LÀM BỀN VỮNG CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

Triệu Đức Hạnh* Trung tâm Học liệu – ĐHTN Nguyễn Thị Mão Khoa GDCT- Trường ĐHSP

TÓM TẮT:

MỘT SỐ TIÊU CHÍ NHẬN DẠNG VIỆC LÀM BỀN VỮNG CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

Triệu Đức Hạnh*

Trung tâm Học liệu – ĐHTN

Nguyễn Thị Mão

Khoa GDCT- Trường ĐHSP

TÓM TẮT: Việc làm bền vững được hiểu rút gọn đó là công việc đem lại tiền lương đủ sống, hợp lý và công bằng [4]. Ngoài ra việc làm đó còn xúc tiến tạo ra việc làm mới, phát triển các kỹ năng cá nhân, thúc đẩy bảo trợ xã hội và đối thoại xã hội của người lao động. Lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên có tỷ lệ lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức lớn, không ổn định (95,7% không có hợp đồng lao động)[2]. Việc xây dựng tiêu chí nhận dạng để lượng hóa mức độ bền vững việc làm đối với lao động nông thôn có ý nghĩa thiết thực trong công tác nghiên cứu và quản lý.

Từ khóa: Việc làm bền vững; Tiêu chí nhận dạng; RDWI; Việc làm nông thôn; Cơ hội việc làm.

Việc làm có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi con người. Khủng hoảng tài chính toàn cầu kéo theo các hệ lụy là lạm phát tăng cao, thất nghiệp tràn lan ảnh hưởng tới mọi mặt trong xã hội. Hơn lúc nào hết, việc làm bền vững đang là vấn đề được xã hội quan tâm.

Theo ILO, việc làm bền vững là cơ hội cho nam giới và nữ giới có được việc làm bền vững và năng suất trong điều kiện tự do, bình đẳng, và nhân phẩm được tôn trọng.

Việc làm bền vững được hình thành từ 4 trụ cột: Các quyền tại nơi làm việc; Tạo việc làm

và xúc tiến việc làm; Bảo trợ xã hội; Đối thoại xã hội [1].

Một số tiêu chí nhận dạng việc làm bền vững đối với lao động nông thôn

Để nhận dạng việc làm bền vững đối với lao động nông thôn, chúng tôi xây dựng 15 tiêu chí nhận dạng việc làm bền vững sắp xếp tương ứng với 4 trụ cột của việc làm bền vững. Các tiêu chí chủ yếu dưới hình thức tỷ lệ phần trăm do vậy rất thuận lợi cho việc tính toán và xác định giới hạn trên dưới (Khoảng biến thiên từ 0% đến 100%). Chiều biến thiên của tiêu chí thuận hay nghịch phụ thuộc vào chiều ảnh hưởng của tiêu chí đó đến mức độ bền vững của việc làm nông thôn. Do vậy các tiêu chí 2,7,12 được xếp vào nhóm biến thiên nghịch.

Bảng 1: Một số tiêu chí nhận dạng việc làm bền vững đối với lao động nông thôn

Stt

Yếu tố cấu thành

Tiêu chí nhận dạng

Đvt

Chiều
biến thiên

Giới
hạn

Thuận

Nghịch

Trên

Dưới

1

Các quyền tại
Nơi làm
việc

Tỷ lệ có việc làm của nữ giới

%

x

100

0

2

Khiếu nại lên tòa án lao động

%

x

100

0

3

Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận sở hữu đất đai

%

x

100

0

4

Tỷ lệ lao động có thu nhập trung bình trở lên

%

x

100

0

5

Tạo việc làm và xúc tiến việc
làm

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động

%

x

100

0

6

Diện tích đất nông nghiệp bình quân/ nhân khẩu

m²

x

75000

900

7

Tỷ lệ thiếu việc làm (Tỷ lệ ngày công rảnh rỗi)

%

x

100

0

8

Bảo trợ
xã hội

Thu nhập thực tế bình quân đầu người/ năm

Trđ

x

6000

4,8

9

Độ bao phủ của bảo hiểm xã hội

%

x

100

0

10

Độ bao phủ của bảo hiểm y tế

%

x

100

0

11

Độ bao phủ của bảo hiểm nông nghiệp (cây trồng, vật nuôi)

%

x

100

0

12

Tai nạn nghề nghiệp

%

x

100

0

13

Thụ hưởng các chính sách xã hội (Tín dụng ưu đãi, khuyến nông)

%

x

100

0

14

Đối thoại
xã hội

Tham gia các đoàn thể, hiệp hội

%

x

100

0

Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

%

x

100

0

Tiêu chí số 6 chúng tôi xây dựng dựa trên kết quả khảo sát điều tra năng suất cây trồng, giá cả thị trường vùng nghiên cứu. Giới hạn dưới 900 m² được xác định là số m² đất tối thiểu cần có/nhân khẩu để trồng cây lương thực sau khi đã bù đắp chi phí thu được thu nhập đạt mức tối thiểu 400.000đ/tháng. Giới hạn trên là ngưỡng 30 ha/ hộ gia đình theo quy định hiện hành của nhà nước về đất đai.

Tiêu chí số 8 (thu nhập bình quân đầu người/năm) được xây dựng giới hạn trên dưới theo tiêu thức phân loại thu nhập hiện hành. Con số 4,8 triệu/ người/ năm là mức thu nhập 400.000đ/người/tháng theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015. Giới hạn trên 6000 triệu tương đương 500 triệu/người/tháng là thu nhập cá nhân cao nhất Việt Nam theo số liệu theo báo cáo điều tra thu nhập năm 2010 của Viện khoa học lao động xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Trên cơ sở 15 tiêu chí trên, chúng tôi tiến hành xây dựng bộ chỉ số đánh giá việc làm bền vững nông thôn như sau (Rural decent work index) gọi tắt là RDWI như sau:

$$RDWI = \frac{1}{4} \cdot RDWI1 + \frac{1}{4} \cdot RDWI2 + \frac{1}{4} \cdot RDWI3 + \frac{1}{4} \cdot RDWI4$$

Trong đó: RDWI1: Chỉ số các quyền tại nơi làm việc

RDWI2: Tạo việc làm và xúc tiến việc làm

RDWI3: Bảo trợ xã hội

RDWI4: Đối thoại xã hội

Mỗi chỉ số thước đo tính được cho một giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1 khi áp dụng công thức tính chung sau:

Chỉ số thước đo

=

Giá trị thực – giá trị nhỏ nhất

Giá trị lớn nhất – giá trị nhỏ nhất

Đối với tiêu chí số 6 và tiêu chí số 8, để đạt được một mức độ đáng kể về sự bền vững của việc làm nông thôn không nhất thiết cần tới một diện tích đất vô hạn hay một khoản thu nhập vô hạn. Vì vậy, ở đây sẽ dùng hàm logarit của thu nhập thay vì tính tỷ lệ phần trăm. Theo tính toán của chúng tôi, chỉ số RDWI sẽ biến thiên trong khoảng:

$$0,25 < RDWI < 0,5$$

1. Đánh giá mức độ bền vững việc làm của lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên

Sau khi xây dựng được hệ thống các tiêu chí nhận dạng, chúng tôi tiến hành tính toán các chỉ tiêu ngoài thực tiễn với địa bàn là tỉnh Thái Nguyên. Để lượng hóa mức độ bền vững của việc làm

nông thôn thông qua các tiêu chí đã được xây dựng, chúng tôi tiến hành điều tra 500 hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở phân vùng địa lý và lựa chọn ngẫu nhiên.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu thu thập được, chúng tôi tính toán giá trị các tiêu chí nhận dạng theo công thức nêu trên.

Tiêu chí số 6, diện tích đất nông nghiệp bình quân nhân khẩu được tính như sau:

Tiêu chí số 6: Diện tích đất nông nghiệp bình quân nhân khẩu

=

$\text{Log}(973,45) - \text{Log}(900)$

=

$2,988 - 2,954$

=

0,017

$\text{Log}(75000) - \text{Log}(900)$

$4,875 - 2,954$

Tiêu chí số 8 thu nhập thực tế bình quân đầu người được tính như sau:

Tiêu chí số 8: Thu nhập thực tế bình quân đầu người

=

$\text{Log}(9,26) - \text{Log}(4,8)$

=

$0,966 - 0,681$

=

$0,092$

$\text{Log}(6000) - \text{Log}(4,8)$

$3,778 - 0,681$

Kết quả tính toán mức độ bền vững việc làm của lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên được thể hiện trong biểu sau:

Bảng 2: Kết quả tính toán chỉ số RDWI vùng nghiên cứu

Stt

Yếu tố cấu thành

Tiêu chí nhận dạng

Giá trị

Tổng
cộng

biến thiên
thuận

biến thiên
nghịch

1

Các quyền
tại nơi
làm việc

Tỷ lệ có việc làm của nữ giới

0,998

2,716

2

Khiếu nại lên tòa án lao động

0

3

Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận sở hữu đất đai,

0,988

4

Tỷ lệ lao động có thu nhập trung bình trở lên

0,73

5

Tạo việc làm và xúc tiến
việc làm

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động

0,847

0,706

6

Diện tích đất nông nghiệp bình quân/ nhân khẩu

0,017

7

Tỷ lệ thiếu việc làm (Tỷ lệ ngày công rảnh rỗi)

0,158

8

Bảo trợ
xã hội

Thu nhập thực tế bình quân đầu người/ năm

0,092

1,475

9

Độ bao phủ của bảo hiểm xã hội

0,052

10

Độ bao phủ của bảo hiểm y tế

0,436

11

Độ bao phủ của bảo hiểm nông nghiệp (cây trồng, vật nuôi)

0

12

Tỷ lệ tai nạn nghề nghiệp

0,003

13

Thụ hưởng các chính sách xã hội (Tín dụng ưu đãi, khuyến nông)

0,898

14

Đối thoại
xã hội

Tỷ lệ tham gia các đoàn thể, hiệp hội

0,914

1,914

Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

1

(Nguồn: Số liệu tổng hợp điều tra nghiên cứu năm 2011)

Khi đó $RDWI = \frac{1}{4} \cdot RDWI1 + \frac{1}{4} \cdot RDWI2 + \frac{1}{4} \cdot RDWI3 + \frac{1}{4} \cdot RDWI4$

$$RDWI = 1,703$$

Theo lý thuyết, Chỉ số RDWI sẽ biến thiên trong khoảng $0 < RDWI < 2,25$. Ta dễ dàng nhận thấy chỉ số tính được nằm trong khoảng biến thiên cho phép. Chỉ số này phản ánh mức độ bền vững của việc làm nông thôn tỉnh Thái Nguyên lượng hóa đã được dưới dạng giá trị. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, nhà quản lý khi đưa ra phân tích, đánh giá, so sánh với các địa phương khác để có giải pháp phù hợp.

Nhìn vào hệ thống các tiêu chí nhận dạng, ta thấy nhóm các tiêu chí bảo trợ xã hội của tỉnh Thái Nguyên là khá thấp. Do vậy các nhà quản lý có thể xác định được các giải pháp thiết thực để cải tạo mức độ bền vững hiện tại.

Tóm lại: Việc làm bền vững cho người lao động nói chung và người lao động nông thôn nói riêng là mục tiêu của xã hội hiện đại. Khoảng cách tiến tới “việc làm bền vững” đối với lao động nông thôn không phải là quá xa vời. Để đạt tới “việc làm bền vững” đòi hỏi các cấp chính quyền, người dân phối hợp tiến hành các giải pháp đồng bộ để cải thiện mức độ bền vững đối với các lĩnh vực thông qua các tiêu chí nhận dạng. Hiện thực hóa “việc làm bền vững” là việc làm mà xã hội mong đợi với các điều kiện làm việc thỏa đáng, sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình, không có tình trạng lao động trẻ em, xóa bỏ bất bình đẳng giới tạo điều kiện cho phụ nữ có khả năng lựa chọn và tự quyết định cuộc sống của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Triệu Đức Hạnh (2011), Tạp chí Kinh tế phát triển số 163/2011 Đại học Kinh tế Quốc dân, Việc làm bền vững trong thời đại ngày nay.
2. Nguyễn Thị Hải Vân (2008), Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm và Chiến lược phát triển việc làm ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.
3. Ginette Forgues (2007), Local Strategies for Decent Work.
4. Overseas Development institutes (10/2007), Rural employment and migration: in search of decent work.

SUMMARY: CRITERIA IDENTIFICATION OF DECENT WORKS FOR THAI NGUYEN PROVINCE RURAL LABOUR

Trieu Duc Hanh*

Learning resource center – TNU

Nguyen Thi Mao

Thai Nguyen University of Education-TNU

In concise knowledge, “Decent work” that mean job provide a living wage, offer reasonable and fair conditions. Besides, it promotes new job, develops personal skills, promotes social protection and social dialogue for the employees. Rural labour of Thai Nguyen province have large rate in

the informal field (95.7% does not have labour contracts). The creation of criteria identification to quantify the level of decent work for rural labour brings forward a practical significance in research and management.